TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI BÌNH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21-5-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chính

Ông Trần Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phượng Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXX-ST ngày 02 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1988 (có yêu cầu xin vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.
Chỗ ở hiện nay: Ấp 10, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 (vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.
-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1.Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1966 (vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã M, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.
2.Ông Trần Văn Tr, sinh năm 1989 (có yêu cầu xin vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp 10, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 05/02/2025, đơn yêu cầu ngày 27/02/2025 bà Trần Thị L trình bày:*

Bà L và ông T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 15/11/2011. Thời

gian chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong lối sống, cự cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông bà không còn chung sống với nhau 02 tháng nay. Vì vậy, bà L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Thời gian chung sống bà L và ông T có con chung tên Nguyễn Thị ngọc H, sinh ngày 28/11/2009, Nguyễn Gia H, sinh ngày 02/4/2013 và Nguyễn Nhã H, sinh ngày 06/7/2014. Hiện Ngọc H do bà L nuôi dạy, Gia H và Nhã H do ông T nuôi dạy. Khi ly hôn bà L yêu cầu nuôi dạy con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên bà L không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trần Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Do ông bà chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông T có địa chỉ cư trú tại ấp 3, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T, bà Đ và ông Tr nhưng ông T không có văn bản ý kiến về yêu cầu của bà L và ông T, bà Đ vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T, bà Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bà L, ông Tr có yêu cầu xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L, ông Tr theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tôt tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà L và ông T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 15/11/2011. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên ông bà không

còn chung sống với nhau. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tổ chức hòa giải để ông bà có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do ông T vắng mặt tại phiên hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn T được ly hôn.

[4] Thời gian chung sống bà L và ông T có con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 29/11/2009, Nguyễn Gia H, sinh ngày 02/4/2013 và Nguyễn Nhã H, sinh ngày 06/7/2014. Xét thấy hiện bà L trực tiếp nuôi dạy cháu Ngọc H, cháu Gia H và Nhã H do ông T nuôi dạy nên việc hoán đổi nuôi con sẽ ảnh hưởng đến tình cảm của con chung. Hơn nữa tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 28/02/2025 cháu Ngọc H yêu cầu tiếp tục chung sống với bà L, cháu Gia H và Nhã H yêu cầu sống với ông T. Do con chung đã trên 07 tuổi nên yêu cầu và nguyện vọng của con chung là phù hợp được pháp luật bảo vệ.

Bà L yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Cháu Ngọc H giao cho bà L nuôi dạy nên ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ngoc H là phù hợp. Theo Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thì mức lương tối thiểu vùng được tính tại nơi ông bà đang cư trú là 3.450.000 đồng/tháng. Vì vậy cần buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Nguyễn Thị Ngọc H với mức cấp dưỡng ½ tháng lương tối thiểu vùng với số tiền 1.725.000 đồng/tháng là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82, 83, 110, 116, 119 của Luật hôn nhân và gia đình.

Ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Gia H và cháu Nhã H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[6] Về tài sản chung: Bà L xác định thời gian chung sống ông bà không có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về nợ chung: Tại đơn khởi kiện bà L xác định thời gian chung sống có nợ bà Đ và ông Tr mỗi người 10.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án bà L cho rằng đã thanh toán xong nợ là có cơ sở. Bởi vì tại đơn yêu cầu ngày

28/02/2025 của ông Tr và đơn yêu cầu gửi ngày 02/4/2025 bà Đ và ông Tr cho rằng đã thanh toán xong nên không yêu cầu. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét tại vụ án.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà L, ông T phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 59, 81, 82, 83, 110, 116, 119 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn T được ly hôn.

2.Về con chung: Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 29/11/2009 (giới tính nữ) cho bà Trần Thị L tiếp tục nuôi dạy; bà Trần Thị L có nghĩa vụ tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 02/4/2013 (giới tính nữ) và Nguyễn Nhã H, sinh ngày 06/7/2014 (giới tính nữ) cho ông Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi dạy. Ông Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H theo quy định pháp luật với số tiền 1.725.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi Ngọc H đủ 18 tuổi. Ông T không trực tiếp nuôi dạy Ngọc H, bà L không trực tiếp nuôi dạy Gia H và Nhã H nhưng ông bà có quyền thăm nom con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai có quyền cản trở.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trần Thị L (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Nguyễn Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3.Về án phí sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải nộp 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 05 tháng 02 năm 2025 bà L có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0016794 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

- Án phí cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng).

4.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
-Ủy ban nhân dân xã T;
-VKSND huyện Thới Bình;
-Chi cục THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kiều Trang